

ĐÀI LOAN - HỒNG KÔNG - MACAO

VÀI NÉT VỀ GIÁO DỤC ĐÀI LOAN THỜI KỲ NHẬT TRỊ (1895-1945)

VŨ THUY DƯƠNG*

Trong suốt nửa thế kỉ thống trị Đài Loan, người Nhật luôn tìm mọi cách để thi hành chính sách khai thác và đồng hoá Đài Loan. Về kinh tế, người Nhật thi hành chính sách “công nghiệp Nhật Bản - nông nghiệp Đài Loan”, biến Đài Loan thành một nơi cung cấp sản phẩm nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp của Nhật Bản. Tuy nhiên, về khách quan chính sách khai thác của người Nhật đã có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của Đài Loan trên các lĩnh vực như: nông nghiệp (mở rộng đất đai trồng trọt, đưa vào nông nghiệp các phương thức gieo trồng tiên tiến để nâng cao sản lượng, hệ thống tưới tiêu, đê điều được chú trọng...); cơ sở hạ tầng (xây dựng đường bộ, đường xe lửa, bến cảng...) và đặc biệt là giáo dục. Bởi vì, người Nhật hiểu rằng muốn biến Đài Loan thành nơi cung cấp sản phẩm nông nghiệp thì trước tiên phải nâng cao cơ sở giáo dục của nông dân, vì chỉ khi đó những người nông dân mới có năng lực hấp thụ được kỹ thuật sản xuất và tri thức nông nghiệp mà Nhật Bản đưa vào. Có thể nói, nếu như nhìn lại quá trình phát triển giáo dục

hiện đại của Đài Loan, thì không thể không nhắc đến giáo dục thời Nhật trị.

Năm 1895, người Nhật tới Đài Loan sau khi đã trải qua hơn 25 năm xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại của mình. Ở Nhật Bản, một trong những nội dung canh tân đất nước quan trọng nhất dưới thời Minh Trị chính là cải cách chế độ giáo dục và đào tạo. Vua Minh Trị đã nhận thức rõ chế độ giáo dục phương Tây nếu kết hợp với những tinh hoa của tư tưởng Nho gia sẽ là con đường làm cho đất nước giàu mạnh. Chính bằng những kinh nghiệm đó, họ đã tiến hành xây dựng một hệ thống trường thuộc địa theo kiểu mẫu của Nhật Bản. Do vậy, giáo dục Đài Loan thời Nhật trị được dựa theo khuôn mẫu của giáo dục Nhật Bản.

Thực dân Nhật đã tạo lập một hệ thống giáo dục ở Đài Loan “hạn chế” về quy mô, nhưng lại tương đối toàn diện và khá hiện đại. Người Nhật muốn thay thế các phương pháp truyền thống trong các trường học bản địa bằng một nền giáo dục khoa học và tiến bộ để có thể

* NCV. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

cung cấp các công chức và nhân viên có trình độ “nhất định” phục vụ cho việc cai trị thực dân của mình. Cụ thể là, giáo dục Đài Loan thời kì Nhật trị được chia làm hai loại: giáo dục xã hội và giáo dục trường học.

Giáo dục xã hội: Năm 1895 sau khi “biến” được Đài Loan thành thuộc địa của mình, người Nhật lập tức cắt đứt việc qua lại nhân khẩu giữa Đài Loan với Trung Quốc lục địa. Chính vì vậy, để có thể coi “Đài Loan là nơi cung cấp nông nghiệp” buộc người Nhật phải áp dụng nhiều biện pháp nhằm mục đích loại bỏ dần những phong tục, tập quán lạc hậu, cổ hủ... để từ đó có thể hạ thấp tỷ lệ tử vong, nâng cao sự phát triển nhân khẩu tự nhiên, nhằm mở rộng lực lượng lao động phát triển nông nghiệp (thời kỳ Nhật Bản thống trị Đài Loan, người Nhật rất chú trọng đến vấn đề phát triển nông nghiệp và phát triển giáo dục. Phát triển nông nghiệp để lấy đó làm nguồn cung cấp lương thực; phát triển giáo dục nhằm đào tạo nên một nguồn nhân lực có trình độ “vừa đủ”, phục vụ cho lợi ích của “chính quốc”). Với ý đồ đó, người Nhật rất nghiêm ngặt trong việc tiến hành vệ sinh công cộng, phòng dịch, cấm hút thuốc phiện, cấm phụ nữ bó chân và nam giới để tóc dài... Phong tục “bó chân” và “để tóc” là những phong tục từng tồn tại trong một thời gian khá dài ở Trung Quốc và đã trở thành một tập quán ăn sâu vào tiềm thức của người dân, họ coi đó là “thuốc đo giá trị”. Vì vậy, xoá bỏ hủ tục này là một việc làm không đơn giản. Để làm được việc này, Chính phủ Nhật Bản đã rất khéo léo trong việc lấy trường học làm nơi “thí nghiệm”. Sau một thời gian, “thí nghiệm” này đã nhận được sự hưởng ứng của người dân. Có thể nói, việc xoá bỏ phong tục “bó chân” và “để tóc” - một

phong tục đã từng tồn tại hàng trăm năm nay... là một thành công của người Nhật. Bên cạnh các biện pháp nhằm nâng cao sức sản xuất trong phát triển nông nghiệp, với ý đồ đồng hoá người Đài Loan, Phủ Toàn quyền còn cho mở các lớp “Truyền bá tiếng Nhật”, có nhiều ưu đãi đối với các gia đình sử dụng tiếng Nhật hàng ngày và sinh hoạt theo lối sống Nhật Bản... Ngoài ra, để tiếng Nhật có “sức sống mạnh mẽ” hơn trong dân chúng, Phủ Toàn quyền còn ra quy định bắt buộc ở những nơi công cộng, công sở của chính quyền phải sử dụng tiếng Nhật - coi đó là ngôn ngữ chính thức để giao dịch. Song song với các biện pháp mang nặng tính “cưỡng chế”, Nhật Bản còn cho thực thi chính sách giáo dục chính trị “mềm dẻo” hơn đó là phong trào ‘Hoàng dân hoá’, làm cho người dân Đài Loan đều trở thành các “thần dân” trung thành của Nhật Hoàng.

Giáo dục trường học bao gồm: Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, giáo dục sư phạm và giáo dục cao đẳng. Trong giáo dục trường học, hiệu quả nhất là giáo dục tiểu học với việc thực thi chế độ giáo dục nghĩa vụ 6 năm đối với tất cả trẻ em trong độ tuổi từ 6 - 11 tuổi (năm 1894, số học sinh đến trường chỉ đạt 1270 người, trong đó nam sinh là 1000 người, nữ sinh là 270 người, trung bình mỗi ngày lượng học sinh đến lớp không quá một nửa số học sinh đăng ký học). Dần dần về sau số học sinh đến lớp có sự cải thiện hơn rất nhiều. Theo thống kê, từ năm 1917 đến năm 1943 tỷ lệ trẻ em đến trường (6 tuổi - 11 tuổi) nam từ 21% tăng lên 81%; nữ từ 4% tăng lên 61%¹. Tính đến tháng 3 - 1945, tỷ lệ trẻ em được tiếp nhận giáo dục tiểu học đã đạt hơn 71% trong tổng số trẻ em trên toàn đảo². Như vậy, cho đến khi Nhật Bản rút khỏi Đài Loan, Đài Loan

là nơi được hưởng “cơ hội giáo dục” tốt nhất trong số các nước và khu vực thuộc địa của Nhật.

Cùng với việc phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh có trí tuệ bình thường, để “lấy tiếng” cho “Thiên triều”, Nhật Bản còn chú ý phổ cập giáo dục tiểu học cho cả những học sinh khuyết tật như: câm điếc, mù loà, có trí tuệ phát triển không bình thường... Vì đối với các học sinh này, theo quan điểm giáo dục truyền thống Đài Loan thì bất kể “trần châu hay đá sỏi” đều phải được hưởng chế độ giáo dục bình đẳng như nhau. Trong thời kì thống trị Đài Loan, Nhật Bản đã cho xây dựng hai trường dành cho học sinh câm điếc ở Đài Bắc và Đài Nam (đến khi chính quyền Quốc Dân đảng rút chạy về Đài Loan, vào năm 1960 có thêm một trường câm điếc nữa được thành lập. Năm 1975, trường câm điếc được phân thành hai trường câm và điếc riêng biệt. Năm 1976, Đài Loan mở thêm trường dạy học sinh có trí tuệ kém phát triển)³.

Mặc dù trong chính sách phát triển giáo dục của mình, người Nhật luôn tuyên truyền tinh thần giáo dục bình đẳng “Nhật - Đài như nhau”, “Nhật - Đài cùng học”, không phân biệt đối xử đối với học sinh Đài Loan hay Nhật Bản nhưng trên thực tế thì hoàn toàn ngược lại, học sinh Đài Loan không thể được hưởng những cơ hội giáo dục bình đẳng như với học sinh Nhật Bản. Tuy rằng, học sinh Đài Loan đều có thể vào học trong các trường công, song số học sinh này sau khi đã tốt nghiệp tiểu học muốn tiếp tục học lên là một điều rất khó, vì họ không có nhiều “cơ hội” thuận lợi như học sinh Nhật Bản. Theo quy định của Phủ Toàn quyền học sinh Đài Loan và học sinh Nhật Bản học hai trường riêng biệt;

chương trình học của trường dành cho học sinh Đài Loan do Phủ Toàn quyền biên soạn, còn chương trình học của học sinh Nhật Bản theo chương trình “chính quốc”; thêm vào đó giáo viên, trang thiết bị học tập trong các trường của học sinh Đài Loan đương nhiên thua xa trường của học sinh Nhật Bản... Chính vì những hạn chế này mà hầu như chỉ những học sinh con em các gia đình giàu có, có thể lực mới có đủ điều kiện tiếp tục học lên hệ giáo dục trung học và cao đẳng, còn con em các gia đình nghèo thì chỉ được học hết tiểu học là cùng. Hơn nữa, điều quan trọng nhất trong chính sách giáo dục của người Nhật ở Đài Loan, là họ chỉ chú trọng đến giáo dục tiểu học để tạo ra một đội ngũ lao động có trình độ “vừa đủ”, phục vụ cho mục đích lâu dài là đồng hoá người Đài Loan, biến “Đài Loan thành sân sau của Nhật Bản”. Cho nên một mặt họ ra sức tiến hành phổ cập giáo dục tiểu học trên toàn Đài Loan, mặt khác lại ra sức hạn chế đối với giáo dục trung học và cao đẳng. Có lẽ đây cũng là điều hết sức dễ hiểu đối với các nước và khu vực thuộc địa, những nước đi xâm lược chắc chắn không bao giờ muốn tạo ra một lực lượng thất nghiệp có trình độ văn hoá cao, vì như vậy sẽ tạo ra một “đối kháng” về chính trị - một sự đối kháng nhất thiết không được có. Để hạn chế học sinh vào trung học và cao đẳng, lúc bấy giờ, Phủ Toàn quyền đã đưa ra “Chính sách hạn định”. Chính sách hạn định này cụ thể là: Học sinh Đài Loan muốn được dự thi vào trung học và cao đẳng phải đạt những yêu cầu sau: *một là*, học sinh tốt nghiệp loại ưu tú xuất sắc trong các trường công có quy mô lớn (phần nhiều tập trung ở thành thị, đối với loại trường này rất ít người Đài Loan được vào học); *hai là* phải thi nói bằng tiếng Nhật Bản - đây là điều

kiện bắt buộc; *ba* là phải được “Hội đồng tuyển chọn” của trường đề cử (thành viên trong “Hội đồng tuyển chọn” này đều là giáo viên người Nhật Bản). Như vậy, với “Chính sách hạn định”, cơ hội học lên của người dân Đài Loan gần như bị đóng cửa hoàn toàn. Nếu như người Đài Loan nào có “may mắn” vượt qua được “Chính sách hạn định” này thì cũng bị “hạn chế” bởi một vài chuyên ngành nhất định do Phủ Toàn quyền quy định như: nông - lâm, y khoa, còn các chuyên ngành pháp luật, chính trị, triết học, khoa học kỹ thuật... vẫn chưa được chấp nhận giảng dạy. Riêng đối với trường sư phạm, người Nhật còn hạn chế hơn rất nhiều. Phần lớn giáo viên đều là người Nhật Bản đảm nhiệm, người Đài Loan chỉ được giữ vai trò là trợ giảng, hoặc làm giáo viên dạy môn phụ ở các trường tiểu học nhưng số lượng cũng rất ít. Sở dĩ có sự “thắt chặt” quá đáng này, đó là do người Nhật luôn coi giáo dục là công cụ quan trọng nhất để thống trị Đài Loan. (Trong khi đó ở Việt Nam thời kỳ thuộc Pháp, thực dân Pháp đã cho thành lập hàng loạt trường kỹ thuật kỹ nghệ và khoa học tự nhiên như: Cao đẳng Thú y, Y dược Đông Dương, Cao đẳng Nông - Lâm, Cao đẳng Khoa học, Đại học Luật khoa Đông Dương... Các trường này hợp thành Đại học Đông Dương với tổng số sinh viên năm học 1939-1940 đạt 582 người, bằng 10% tổng số học sinh trung học⁴. Như vậy, nếu so sánh với Đài Loan thời kỳ Nhật trị, với Việt Nam thời kỳ thuộc Pháp chúng ta có môi trường giáo dục đại học và cao đẳng mang tính toàn diện hơn nhiều).

Tuy nhiên, do nguyên nhân khách quan, Nhật Bản muốn thúc đẩy giáo dục tiểu học, thực thi giáo dục nghĩa vụ, cho nên để công việc phổ cập giáo dục thuận lợi, Phủ Toàn quyền đã buộc phải chú ý

đến vấn đề đào tạo đội ngũ giáo viên - một lực lượng hết sức quan trọng trong phát triển giáo dục. Trong thời kỳ chiếm đóng Đài Loan, Nhật Bản đã cho thành lập “Trường quốc ngữ” (đến năm 1960 được chuyển thành trường sư phạm chuyên khoa), 4 trường sư phạm (2 trường ở Đài Bắc, 2 trường ở Đài Trung và Đài Nam) và hai phân khoa sư phạm đặt tại Tân Trúc và Bình Đông). Đây là loại hình giáo dục chỉ chuyên đào tạo giáo viên tiểu học với trình độ tương đối cao, còn đối với giáo viên trung học, cao đẳng đều phải là người Nhật hoặc người Đài Loan tốt nghiệp ở Nhật Bản đảm nhiệm. Song trên thực tế, trường sư phạm được mở ra với mục đích chủ yếu là đồng hoá, lấy Đài Loan làm bàn đạp xuống vùng Đông Nam Á và vùng Hoa Nam Trung Quốc - bằng cách đào tạo một đội ngũ giáo viên bản địa mang tinh thần “Trung quân ái quốc” với Nhật Hoàng, từ đó truyền bá tinh thần này ra toàn xã hội để “chấn hưng khí tiết quốc dân” (trong các trường học, tiếng Đài Loan và tiếng Trung Quốc lục địa bị bãi bỏ, thay vào đó là tiếng Nhật Bản, thậm chí người Nhật còn bắt người Đài Loan phải cải biên tên họ của mình sang tiếng Nhật). Ngoài ra, do Đài Loan được xem là một thuộc địa quan trọng, vì vậy Nhật Bản rất chú tâm đến việc đào tạo một đội ngũ trí thức con em các gia đình giàu có, lấy đó làm tay sai phục vụ cho lợi ích của mình. Trong thời kỳ Nhật trị, số lượng học sinh Đài Loan sang du học tại “chính quốc” chiếm một tỷ lệ tương đối cao so với các thuộc địa khác. Chính đội ngũ trí thức đó đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển giáo dục của Đài Loan sau này.

Như vậy, có thể thấy người Nhật do xuất phát từ động cơ khai thác thuộc địa vì lợi ích thống trị lâu dài mà nền giáo

dục của Đài Loan thời Nhật trị chỉ nhằm hai mục tiêu rõ rệt: *thứ nhất*, đào tạo những người bản xứ có trình độ “vừa phải” để họ lợi dụng mà không quan tâm đến, thậm chí còn hạn chế việc nâng cao tố chất giáo dục người Đài Loan; *thứ hai*, đồng hoá văn hoá Đài Loan với văn minh Nhật nhằm biến người Đài Loan thành “người Nhật Bản” ngoan ngoãn phục tùng sự thống trị của Nhật. Trên thực tế, Chính phủ Nhật Bản hoàn toàn không muốn thúc đẩy giáo dục ở Đài Loan lên một mức cao hơn giáo dục cơ bản, điều mà họ cần chỉ là đào tạo một đội ngũ trí thức “dễ sai bảo” để phục vụ cho ý đồ xâm lược của mình mà thôi.

Thế nhưng, đánh giá trên không đồng nghĩa với việc phủ nhận hoàn toàn vai trò của người Nhật Bản trong sự phát triển giáo dục ở Đài Loan. Có thể nói, hệ thống giáo dục mà người Nhật đã xây dựng ở đây đã đem lại những hiệu quả không nhỏ đối với sự phát triển lâu dài của Đài Loan. Với việc thực thi những chính sách giáo dục mà Chính phủ Nhật đã ban hành ở Đài Loan, trình độ dân trí của người dân Đài Loan có sự chuyển biến rất rõ rệt. Tính cho đến trước đại chiến thế giới lần thứ 2, ở Đài Loan 6 năm tiểu học gần như đã được phổ cập. Hệ thống trường dạy nghề, trường chuyên nghiệp đã bước đầu được thiết lập. Đối với giáo dục cao đẳng, mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng cho đến trước khi Nhật Bản rút khỏi Đài Loan, ở Đài Loan đã có 6 trường cao đẳng. Đây là một con số tương đối khả quan.

Bên cạnh vấn đề nâng cao dân trí cho người Đài Loan, vấn đề phá bỏ quan điểm giáo dục Nho gia truyền thống trong các trường học có thể nói là một thành công nhất của người Nhật. Mặc dù tiềm ẩn sau nó là mục đích “Nhật

hoá”, nhưng lại có tác dụng tốt tới việc mở rộng cơ hội học tập, tham gia vào hoạt động xã hội của phụ nữ. Từ đây người phụ nữ đã bắt đầu có “tiếng nói” nhất định trong xã hội, điều mà từ trước họ chưa từng có được.

Tóm lại, xét trên phương diện khách quan và xét trên quan điểm phát triển, những chính sách giáo dục để khai thác của người Nhật đã đem lại những hiệu quả nhất định cho Đài Loan. Người Nhật đã để lại những “mầm mống” cơ sở như: sự phổ cập giáo dục, sự bình đẳng nam nữ trong giáo dục tiểu học, tăng cường tiếp thu cách thức quản lý xí nghiệp và những kiến thức khoa học - kỹ thuật hiện đại để cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao sự hiểu biết khoa học - kỹ thuật cho người nông dân ... Tất cả những điều đó đã tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho sự phát triển sau này của Đài Loan. Song đây chỉ là những yếu tố khách quan bên ngoài, giáo dục Đài Loan có được sự phát triển như ngày nay hoàn toàn dựa chủ yếu vào nội lực bên trong, vào sự nỗ lực của chính quyền và sự phấn đấu không mệt mỏi của chính người Đài Loan./.

CHÚ THÍCH

1. Cao Hy Quân, Lý Thành (chủ biên): *Bốn mươi năm kinh nghiệm Đài Loan*. NXB KHXH, Hà Nội, 1992. Tr 168 - 184.

2. Ưng Trí Đình: *Bộ sử liệu về lịch sử giáo dục Đài Loan*, Công ty Thương vụ Đài Loan phát hành, 4/1978. Tr 46.

3. Lâm Ngọc Thê: *Bốn mươi năm giáo dục Đài Loan*, Tòa soạn Tự lập văn báo, Cục xuất bản văn hoá, 1990. Tr 87.

4. T.S Đỗ Minh Cương - PGS. TS Nguyễn Thị Doan: *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001. Tr 95.